

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2020/HS-ST
Ngày 09 - 12 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;
2. Ông Nguyễn Văn Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Ngọc Triều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 113/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2020/QĐXXST - HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Thị H (tên gọi khác G), sinh năm 1981 tại tỉnh T; nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và bà Lê Thị P; bị cáo có chồng Phạm Thanh N (đã ly hôn) và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/9/2020, đến ngày 23/10/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay, có mặt.

2/ Võ Thị V, sinh năm 1965 tại tỉnh T; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn L (đã chết) và bà Võ Thị T; bị cáo có chồng Mai Ngọc P (đã ly hôn) và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/9/2020 cho đến nay, có mặt.

3/ Lê Hoàng M, sinh năm 1964 tại tỉnh T; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Lâm Thị N (điều đã chết); bị cáo có vợ là Phan Thị N, con không có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/9/2020 cho đến nay, có mặt.

4/ Nguyễn Văn L, sinh năm 1960 tại Vương quốc C; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Già yếu; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A và bà Phạm Thị Đ (đều đã chết); có vợ Trần Thị T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/9/2020 cho đến nay, có mặt.

5/ Mai Thị Ánh H, sinh năm 1984 tại tỉnh T; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Ngọc P và bà Võ Thị V (là bị cáo trong vụ án); bị cáo có chồng Lê Thanh H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú 25/9/2020 cho đến nay, có mặt.

6/ Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 tại tỉnh A; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Khơ me; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; bị cáo có chồng Nguyễn Văn Đ (chung sống vợ chồng không đăng ký kết hôn) và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/9/2020 cho đến nay, có mặt.

7/ Dú D, sinh năm 1995 tại Vương quốc C; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Phụ giúp gia đình; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Khơ me; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; cha mẹ: Không rõ; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/9/2020 cho đến nay, có mặt.

8/ Nguyễn Văn S (tên gọi khác S), sinh năm 1973 tại tỉnh T; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V (đã chết) và bà Lê Thị T; có vợ Bùi Thị Thu L và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/9/2020 cho đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L: Bà Nguyễn Thị Sơn T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 06/6/2020, Nguyễn Thị H đến nhà Nguyễn Văn S để xin làm cái đánh bài ăn tiền tại nhà S, thuộc ấp A, xã B, huyện C, tỉnh T thì S đồng ý. Sau đó, H mua bài của S mỗi bộ bài với giá 10.000 đồng và rủ Mai Thị Ánh H, Võ Thị V, Lê Hoàng M, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị H và Dú D đến nhà S tham gia đánh bài, bằng hình thức đánh bài xì dách thắng thua bằng tiền. H quy định số tiền mỗi ván đặt cược thấp nhất là 20.000 đồng, cao nhất là 100.000 đồng. Sòng bài hoạt động đến 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an xã B, huyện C, tỉnh T kiểm tra hành chính lập biên bản vi phạm hành chính. Thu giữ tại chiếu bạc và trên người của những người tham gia đánh bạc là 9.430.000 đồng, 07 bộ bài tây.

Số tiền những người tham gia đánh bạc được xác định cụ thể như sau:

1. Nguyễn Thị H sử dụng số tiền 5.500.000 đồng để tham gia đánh bạc, với vai trò làm cái. Trong quá trình đánh bạc H trả tiền 01 bộ bài, 01 chai nước là 20.000 đồng cho S. H chơi đến khi bị bắt đã thua hết 320.000 đồng, bỏ tại chiếu bạc 160.000 đồng, bị tạm giữ 5.000.000 đồng.

2. Võ Thị V sử dụng số tiền 1.710.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt V thắng được 40.000 đồng, bị tạm giữ số tiền 1.750.000 đồng.

3. Lê Hoàng M sử dụng số tiền 1.150.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt M thua hết 250.000 đồng, bị tạm giữ số tiền 900.000 đồng

4. Nguyễn Văn L sử dụng số tiền 600.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt L không thắng, không thua, L bỏ tại chiếu bạc 100.000 đồng, bị tạm giữ số tiền 500.000 đồng

5. Mai Thị Ánh H sử dụng số tiền 300.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt H không thắng, không thua, bị tạm giữ số tiền 300.000 đồng.

6. Nguyễn Thị H sử dụng số tiền 100.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt H thua 40.000 đồng, bị tạm giữ 60.000 đồng.

7. Dú D sử dụng số tiền 70.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt D thua 40.000 đồng, bị tạm giữ 30.000 đồng.

8. Nguyễn Văn S không tham gia đánh bạc nhưng sử dụng nhà của mình cho Nguyễn Thị H làm cái để đánh bạc, bán bài cho H nên đồng phạm về tội đánh bạc với vai trò là giúp sức vào ngày bị bắt. Ngoài ra, S và H còn khai nhận vào ngày 04/6/2020 và ngày 05/6/2020, S có nhận tiền xâu từ H với tổng số tiền là 220.000 đồng. Cả hai không nhớ những người tham gia, số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc nên không đủ căn cứ chứng minh vào những ngày trước.

Tổng số tiền sử dụng đánh bạc vào ngày 06/6/2020 là 9.430.000 đồng.

Ngoài ra, khi kiểm tra hành chính Công an xã B còn thu giữ số tiền 23.000.000 đồng ở trong thùng nước đá gần nơi các bị can tham gia đánh bạc nhưng quá trình điều tra các bị can điều không thừa nhận số tiền này dùng vào việc đánh bạc và không biết tiền của ai nên không có cơ sở chứng minh số tiền này dùng vào mục đích đánh bạc.

Trong quá trình điều tra Nguyễn Thị H, Võ Thị V, Lê Hoàng M, Nguyễn Văn L, Mai Thị Ánh H, Nguyễn Thị H, Dú D, Nguyễn Văn S đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Võ Thị V có cha là liệt sĩ, bị cáo Mai Thị Ánh H có ông ngoại là liệt sĩ.

*** Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu đồ vật; xử lý vật chứng:**

- 01 tấm chiếu màu vàng xanh, viền màu đỏ;
- 03 bộ bài tây đã qua sử dụng, 04 bộ bài tây chưa sử dụng;
- tiền Việt Nam: 32.570.000 đồng;
- 01 thùng nhựa màu đỏ, dùng để đựng nước đá đã qua sử dụng;

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu đen, số IMEI: 355777100030505;
- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, số IMEI: 866907031465395;
- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung màu trắng, số IMEI: 354795061787823/03;
- 01 xe mô tô biển số 70H1 – 260.88; số khung: RLCUE1710GY054242; số máy: E3T6E-080783;
- 01 xe mô tô biển số 70G1 – 134.36; số khung: GKA11ADCD051288; số máy: VMVUAA-D051288;
- 01 xe mô tô biển số 70H1 – 043.81; số khung: RLCN5B110BY401624; số máy: 5P11-401637;
- 01 xe mô tô biển số 52U3 – 2017; số khung: VFUP01053FUX001224; số máy: UFUZX152FUH00001224;

*** Kết quả kê biên tài sản:**

- Võ Thị V có đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 3.134,2 m², thửa đất số 913, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh T, V đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C nên không tiến hành kê biên.
- Lê Hoàng M có đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 1.949 m², thửa đất số 875, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh T, M đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Phòng giao dịch C nên không tiến hành kê biên.
- Qua xác minh tài sản thì Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn L, Mai Thị Ánh H, Nguyễn Thị H, Dú D, Nguyễn Văn S không có tài sản gì có giá trị nên không tiến hành kê biên.

Bản cáo trạng số 117/CT-VKSTB ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị H, Võ Thị V, Lê Hoàng M, Nguyễn Văn L, Mai Thị Ánh H, Nguyễn Thị H, Dú D, Nguyễn Văn S về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát huyện Tân Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, Võ Thị V, Lê Hoàng M, Nguyễn Văn L, Mai Thị Ánh H, Nguyễn Thị H, Dú D, Nguyễn Văn S phạm tội “Đánh bạc” đề nghị.

1/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và áp dụng thời gian thử thách theo quy định của pháp luật, về tội “Đánh bạc”;

2/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”;

3/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mai Thị Ánh H 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”;

4/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Thị V 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”;

5/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Hoàng M 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”;

6/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”;

7/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”;

8/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dú D từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”;

Hình phạt bổ sung:

Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị H một khoản tiền để sung vào Ngân sách Nhà nước vì bị cáo không có tài sản và công việc ổn định.

Đối với các bị cáo Võ Thị V, Lê Hoàng M, Nguyễn Văn L, Mai Thị Ánh H, Nguyễn Thị H, Dú D, Nguyễn Văn S đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L trình bày: Thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên truy tố bị cáo L. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự vì bị cáo già yếu, bệnh tật, thuộc hộ cận nghèo, gia đình bị cáo còn phải nuôi con gái bị bệnh tâm thần.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm: Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là điều khoản tùy nghi, Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn L.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Chứng cứ xác định các bị cáo có tội: Vào khoảng 12 giờ ngày 06/6/2020, tại nhà của Nguyễn Văn S thuộc ấp A, xã B, huyện C, tỉnh T tổ chức chơi bài xì dách ăn tiền. Những người tham gia đánh bạc gồm Nguyễn Thị H, Võ Thị V, Lê Hoàng M, Nguyễn Văn L, Mai Thị Ánh H, Nguyễn Thị H, Dú D và Nguyễn Văn S đồng phạm với vai trò giúp. Sòng bài chơi đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an xã B, huyện C, tỉnh T kiểm tra hành chính phát hiện bắt giữ. Tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 9.430.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Thị H, Võ Thị V, Lê Hoàng M, Nguyễn Văn L, Mai Thị Ánh H, Nguyễn Thị H, Dú D, Nguyễn Văn S đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Nên Bản Cáo trạng số 117/CT – VKSTB ngày 05/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến khách thể là trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình của người tham gia đánh bạc. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng và có thể phát sinh ra các loại tội phạm khác như trộm cắp, gây thương tích, giết người, cướp tài sản... đồng thời gây mất trật tự tại địa phương. Nhằm đấu tranh, ngăn chặn tệ nạn cờ bạc diễn ra rất phức tạp tại địa phương, giữ gìn trật tự công cộng nên cần phải xử các bị cáo mức án nghiêm khắc với hành vi của các bị cáo để có điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Xét mức độ phạm tội của từng bị cáo:

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H dùng số tiền 5.500.000 đồng để làm cái là người dùng số tiền nhiều nhất vào mục đích đánh bạc nhằm thu lợi bất chính nên cần xử bị cáo mức án cao hơn các bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn S tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng dùng nhà của mình cho các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc và để thu tiền xâu nhằm thu lợi bất chính, trong vụ án này bị cáo là đồng phạm với vai trò giúp sức nên cần xử nghiêm hành vi của bị cáo.

Đối với các bị cáo Võ Thị V sử dụng 1.710.000 đồng vào việc đánh bạc, Lê Hoàng M sử dụng 1.150.000 đồng vào việc đánh bạc, Nguyễn Văn L sử dụng 600.000 đồng vào việc đánh bạc, Mai Thị Ánh H sử dụng 300.000 đồng vào việc đánh bạc, Nguyễn Thị H sử dụng 100.000 đồng vào việc đánh bạc, Dú D sử dụng 70.000 đồng vào việc đánh bạc, nên cần xử các bị cáo mức án tương ứng với số tiền mà các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo các Nguyễn Thị H, Võ Thị V, Lê Hoàng M, Nguyễn Văn L, Mai Thị Ánh H, Nguyễn Thị H, Dú D, Nguyễn Văn S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra Võ Thị V có ba ruột tên Phan Văn L là liệt sĩ; Mai Thị Ánh H có ông ngoại tên Phan Văn L là liệt sĩ đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm x khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[7] Về hình phạt áp dụng: Đối với bị cáo Nguyễn Thị H đã bị tạm giam 01 tháng 12 ngày đã thể hiện thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định do vậy cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt sống có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đối với các bị cáo Võ Thị V, Lê Hoàng M, Nguyễn Văn L, Mai Thị Ánh H, Nguyễn Thị H, Dú D, Nguyễn Văn S các bị cáo sử dụng số tiền không lớn để đánh bạc, có nhân thân tốt, mục đích phạm tội là sát phạt lẫn nhau thu lợi bất chính nên áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[8] Về hình phạt bổ sung:

Cần phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị H một khoản tiền để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo Võ Thị V, Lê Hoàng M, Nguyễn Văn L, Mai Thị Ánh H, Nguyễn Thị H, Dú D, Nguyễn Văn S đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền thu giữ tại chiếu bạc: 1.030.000 (một triệu không trăm ba mươi nghìn) đồng thu tại chiếu bạc là vật chứng vụ án, liên quan đến việc thực hiện tội phạm nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước;

- Đối với 03 bộ bài tây đã qua sử dụng, 04 bộ bài tây chưa sử dụng là vật chứng trong vụ án, liên quan đến việc thực hiện tội phạm, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 thùng nhựa màu đỏ, dùng để đựng nước đá đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn S, bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy;

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc gồm:

+ Của Nguyễn Thị H 5.000.000 đồng; của Mai Thị Ánh H 300.000 đồng; của Võ Thị V 1.750.000 đồng; của Lê Hoàng M 900.000 đồng; của Nguyễn Văn L 500.000 đồng; của Nguyễn Thị H 60.000 đồng; của Dú D 30.000 đồng.

+ Đối với số tiền 23.000.000 đồng thu tại thùng nước đá gần nơi đánh bạc không ai thừa nhận, không chứng minh là tiền đánh bạc do vậy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Các tài sản thu giữ của các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án, gồm:

+ Của Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu đen, số IMEI: 355777100030505; 01 xe mô tô biển số 70H1 – 043.81; số khung: RLCN5B110BY401624; số máy: 5P11-401637;

+ Của Võ Thị V 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, số IMEI: 866907031465395;

+ Của Nguyễn Hoàng M 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung màu trắng, số IMEI: 354795061787823/03; 01 xe mô tô biển số 70H1 – 260.88; số khung: RLCUE1710GY054242; số máy: E3T6E-080783;

+ Của Mai Thị Ánh H 01 xe mô tô biển số 70G1 – 134.36; số khung: GKA11ADCD051288; số máy: VMVUAA-D051288;

+ Của Dú D 01 xe mô tô biển số 52U3 – 2017; số khung: VFUP01053FUX001224; số máy: UFUZX152FUH00001224;

[10] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thị H, Võ Thị V, Lê Hoàng M, Nguyễn Văn L, Mai Thị Ánh H, Nguyễn Thị H, Dú D, Nguyễn Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** (tên gọi khác G) **06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án, về tội “Đánh bạc”;

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh T để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S** (tên gọi khác S) 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước về tội “**Đánh bạc**”.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Thị V** 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước về tội “**Đánh bạc**”.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Hoàng M** 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước về tội “**Đánh bạc**”.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Mai Thị Ánh H** 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước về tội “**Đánh bạc**”.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L** 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước về tội “**Đánh bạc**”.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước về tội “**Đánh bạc**”.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Dú D** 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước về tội “**Đánh bạc**”.

9. Hình phạt bổ sung:

Căn cứ khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** (tên gọi khác G) 10.000.000 (mười triệu) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước;

10. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 1.030.000 (một triệu không trăm ba mươi nghìn) đồng thu tại chiếu bạc;

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 23.000.000 (hai mươi ba triệu) đồng thu tại thùng nước đá gần chiếu bạc;

- Tịch thu tiêu hủy 03 bộ bài tây đã qua sử dụng, 04 bộ bài tây chưa sử dụng;

- Tịch thu tiêu hủy 01 thùng nhựa màu đỏ, dùng để đựng nước đá đã qua sử dụng;

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước của các bị cáo số tiền dùng vào việc đánh bạc gồm:

+ Của Nguyễn Thị H 5.000.000 đồng; của Mai Thị Ánh H 300.000 đồng; của Võ Thị V 1.750.000 đồng; của Lê Hoàng M 900.000 đồng; của Nguyễn Văn L 500.000 đồng; của Nguyễn Thị H 60.000 đồng; của Dú D 30.000 đồng;

- Các tài sản thu giữ của các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án, gồm:

+ Của Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia màu đen, số IMEI: 355777100030505; 01 xe mô tô biển số 70H1 – 043.81; số khung: RLCN5B110BY401624; số máy: 5P11-401637;

+ Của Võ Thị V 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, số IMEI: 866907031465395;

+ Của Nguyễn Hoàng M 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung màu trắng, số IMEI: 354795061787823/03; 01 xe mô tô biển số 70H1 – 260.88; số khung: RLCUE1710GY054242; số máy: E3T6E-080783;

+ Của Mai Thị Ánh H 01 xe mô tô biển số 70G1 – 134.36; số khung: GKA11ADCD051288; số máy: VMVUAA-D051288;

+ Của Dú D 01 xe mô tô biển số 52U3 – 2017; số khung: VFUP01053FUX001224; số máy: UFUZX152FUH00001224;

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản bàn giao vật chứng ngày 03/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T).

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

11. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị H, Võ Thị V, Lê Hoàng M, Nguyễn Văn L, Mai Thị Ánh H, Nguyễn Thị H, Dú D, Nguyễn Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAT;
- Sở tư pháp TN;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Đội điều tra công an huyện Tân Biên;
- Nhà tạm giữ công an huyện Tân Biên;
- Văn phòng công an huyện Tân Biên;
- Bị cáo;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu THAHS;
- Lưu tập án; A.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Ngọc An